

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Bản án số: 73/2025/DS-PT**

**Ngày: 14 – 4 – 2025**

**V/v “*Tranh chấp bồi thường  
thiệt hại ngoài hợp đồng*”**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

**- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Hoàng Khải

*Các Thẩm phán:* Ông Phạm Văn Hùng

Bà Mạc Thị Chiên

**- *Thư ký phiên tòa:*** Bà Cao Kiều Trinh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Đặng Kim Quang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 và 14 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, công khai xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 04/2025/TLPT-DS ngày 02 tháng 01 năm 2025 về việc “*Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 83/2024/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2025/QĐ-PT ngày 19 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 37/2025/QĐ-PT ngày 12 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Huỳnh Văn P.

Địa chỉ: Số C, khu vực P, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Châu Thanh B, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số A, đường C, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ.

**- Bị đơn:** Công ty trách nhiệm hữu hạn T1.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Đăng K.

Địa chỉ: Số A, khu V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số B C, tổ D, khu V, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Công ty cổ phần X.

Địa chỉ: Số H, đường T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Hải Đ - Chức vụ: Giám đốc.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Dương Thanh P1.

Địa chỉ: D khu vực P, quận C, thành phố Cần Thơ.

- *Người kháng cáo:* nguyên đơn Huỳnh Văn P và bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn T1.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án như sau:

*Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện nguyên đơn ông Châu Thanh B trình bày:* Ông P có hầm nuôi Ba Ba cạnh dự án cầu dân sinh xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang do Công Ty TNHH T1 làm chủ đầu tư, Công ty có bơm cát làm cầu tràn vào hồ nuôi Ba Ba khiến một số con bị chết, một số con lớn hơn thì chạy mất. Ông có đưa sự việc ra UBND xã Đ hòa giải ngày 23/11/2022 yêu cầu Công ty bồi thường cho ông 50.000.000<sup>đ</sup> nhưng phía Công ty chỉ đồng ý bồi thường 10.000.000<sup>đ</sup>. Do hai bên không thoả thuận được nên Ông P khởi kiện Công ty TNHH T1 phải bồi thường cho ông 50.000.000<sup>đ</sup>.

*Quá trình giải quyết Công Ty TNHH T1 trình bày như sau:* Công ty TNHH T1 (gọi tắt là Công ty T1) không chấp nhận bồi thường thiệt hại 50.000.000<sup>đ</sup> của ông Huỳnh Văn P và cho rằng, trong quá trình đầu tư, thi công xây dựng cầu Đ tại xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang, ông Huỳnh Văn P và Công ty T1 đã có thỏa thuận mức chi phí bồi thường thiệt hại, hỗ trợ cho ao nuôi Ba Ba cho ông P với mức chi phí nhà đầu tư đã đồng ý hỗ trợ cao gấp hơn 10 lần so với chi phí những thiệt hại là 340.000.000<sup>đ</sup> và hai bên có lập biên bản thống nhất hỗ trợ ao ba ba vào ngày 24/10/2022 dưới sự chứng kiến của Ủy ban nhân dân xã Đ và Trung tâm phát triển Quỹ đất huyện C. Trong biên bản trên có nêu rõ: “Ông Huỳnh Văn P cam kết di dời ao ba ba trong vòng 20 ngày để trả mặt bằng cho nhà đầu tư thi công và cam kết không khiếu kiện về sau các việc có liên quan đến ao ba ba trong phạm vi giải phóng mặt bằng và ngoài phạm vi giải phóng mặt bằng nhà đầu tư không có trách nhiệm về ảnh hưởng của ao ba ba trên sau khi đưa tiền hỗ trợ cho hộ ông P kể cả trong quá trình thi công xây dựng phạm vi giải phóng mặt bằng...”. Sau khi nhận 340.000.000<sup>đ</sup>, ông P đã thu hoạch hết số Ba

Ba còn lại số số Ba Ba ghé không bán được ông Phùng T lại vào phần ao còn lại ngoài phạm vi giải phóng mặt bằng là do lỗi của ông P nên Công ty xác định không phải là thiệt hại phát sinh thêm, bị đơn không đồng ý bồi thường vì số Ba B1 đã không có giá trị mua bán và cũng là số ba ba đã được bồi thường.

- Ngày 24/10/2022 ông P đã nhận tiền bồi thường và cam kết di dời ao ba ba trong vòng 20 ngày để trả mặt bằng cho nhà đầu tư thi công và cam kết không khiếu kiện về sau; tuy nhiên ông P đã có hành vi cản trở không cho Công ty thi công, cầm dao hù dọa công nhân đang thi công gây rối loạn trật tự nơi công trường (*Công ty vẫn còn đoạn ghi hình lúc ông P cầm dao cản trở thi công*), đến khi công an xã mời các bên làm việc thì chúng tôi mới được tiếp tục thi công. Việc cản trở thi công kéo dài từ 14/11 đến 28/11/2022 (14 ngày) khiến cho Công ty không thể thực hiện hoạt động bơm cát được và phải bồi thường chi phí bồi thường thiệt hại do đơn vị thi công vì bị phạt chậm bơm cát vi phạm hợp đồng trễ tiến độ là 20.000.000đ/ngày. Do hành vi cản trở thi công của ông P mà Công ty T1 phải bồi thường cho đơn vị thi công là: 20.000.000đ/ngày x 14 ngày = 280.000.000đ.

- Căn cứ theo hợp đồng hợp tác đầu tư giữa Công ty T1 và Sở G, khi dự án cầu Đ đi vào hoạt động thu phí thì bến đò ngang sông K (còn gọi là bến đò Bảy Thưa) không được phép hoạt động nữa. Bến đò đã hết phép hoạt động từ ngày 26/01/2023 theo Quyết định số 181/QĐ- SGTVT ngày 26/01/2022. Cơ quan có thẩm quyền đã nhiều lần vận động, yêu cầu ông P dừng hoạt động đưa đò do hết phép hoạt động và để đảm bảo cam kết với nhà đầu tư dự án cầu Đ theo Hợp đồng dự án, ông P đã bị xử phạt vi phạm hành chính do thực hiện khai thác bến thủy nội địa đang trong thời gian hết hạn hoạt động nhưng ông P vẫn không ngừng hoạt động đưa đò. Công ty T1 được phép và bắt đầu thu phí từ ngày 07/02/2023 theo Công văn số 142/UBND-NCTH của Ủy ban nhân dân tỉnh H ngày 06/02/2023 về việc thống nhất tạm thu phí sử dụng dịch vụ cầu Đ, với mức phí là: 3.000đồng/lượt xe máy (theo mục 2 Công văn 142/UBND-NCTH nêu trên và Quyết định số 15/2017/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh H ngày 26/4/2017). Từ ngày 07/02/2023 đến 09/6/2023 (122 ngày) ông Huỳnh Văn P vẫn tiếp tục hoạt động đưa đò tại bến đò Bảy Thưa với lượng khách trung bình là 1.200 lượt xe máy/ngày, gây thiệt hại nguồn thu cho dự án cầu Đ, cũng như gây thiệt hại cho chủ đầu tư là Công ty T1 với số tiền: 3.000đ x 1.200 lượt xe máy/ ngày x 122 ngày = 439.200.000đ.

- Ông P còn có nhiều hành vi làm ảnh hưởng đến danh dự, uy tín của Công ty T2 suốt quá trình đầu tư dự án cầu Đ như: hành vi in những mẫu nội dung: “cầu dân sinh xã Đ, đất chưa bồi thường, cầm phá dỡ rào, Cố ý qui trách nhiệm” theo trong phạm vi dự án, thực hiện các hành vi phản cảm để gây rối cho nhà đầu tư nhằm làm xấu hình ảnh dự án, hình ảnh nhà đầu tư, tạo ra tin đồn cầu Đ bị nứt,... gây thiệt hại về danh dự, uy tín cho nhà đầu tư.

Do đó Công ty TNHH T1 có yêu cầu ông P bồi thường thiệt hại do cản trở thi công dự án 280.000.000đ; Bồi thường thiệt hại do hoạt động đưa đò trái phép 439.200.000đ; Bồi thường thiệt hại danh dự, uy tín cho công ty A.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:* Công ty X và công ty T1 có ký hợp đồng số 20/HDXD-2022 ngày 10/02/2022 để thi công xây lắp công trình cầu D để làm cầu chính và đường dẫn vào cầu tại xã Đ, huyện C, Hậu Giang. Theo hợp đồng này các bên đã thực hiện xong, không có tranh chấp, các bên đã thanh quyết toán vào năm 2023, cầu đã hoàn thành và nghiệm thu đưa vào sử dụng, bàn giao cho Sở giao thông vận tải xong. Sau khi ký hợp đồng với Công ty T1 thì công ty X mới ký hợp đồng sang lắp, bơm cát với công ty S cho nên khi ông P không cho đơn vị thi công làm việc, cản trở thi công nên công ty phải bồi thường cho công ty S số tiền 280.000.000đ theo phiếu chi ngày 21/01/2023, tất cả việc chi trả này là tiền mặt, chúng tôi thu tiền từ Công ty T1 và trả lại cho công ty S, lý do không chuyển khoản qua lại là do phải xuất hóa đơn, việc thực hiện hợp đồng với Công ty S đã thực hiện xong, việc tranh chấp giữa ông P và công ty T1 thì công ty X không có yêu cầu hay ý kiến gì, đề nghị giải quyết vắng mặt công ty.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 83/2024/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang tuyên xử như sau:.*

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại về ba ba với số tiền 50.000.000đ.

[2] Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty T1 về việc yêu cầu ông P bồi thường thiệt hại do hoạt động đưa đò trái phép số tiền 439.200.000đ, bồi thường thiệt hại do hành vi cản trở thi công với số tiền 228.000.000đ và bồi thường thiệt hại về uy tín, danh dự là 14.900.000đ.

*Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.*

Ngày 29 tháng 8 năm 2024, nguyên đơn Huỳnh Văn P có đơn kháng cáo yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn T1 bồi thường thiệt hại 50.000.000đ.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn T1 yêu cầu Huỳnh Văn P bồi thường thiệt hại do cản trở công ty thi công dự án 280.000.000đ, bồi thường thiệt hại do hoạt động đưa đò 439.200.000đ và bồi thường thiệt hại danh dự uy tín 14.900.000đ.

Tại phiên toà phúc thẩm, đại diện uỷ quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu kháng cáo và chỉ yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại số Ba Ba bị chết bị mất với số tiền 10.000.000đ theo biên bản hòa giải ngày 23/11/2022 Công ty đã đồng ý bồi thường. Không đồng ý với kháng cáo của bị đơn về yêu cầu bồi thường thiệt hại do cản trở công ty thi công dự án 280.000.000đ vì nguyên đơn



cho rằng không có hành vi cản trở như bị đơn trình bày, không gây thiệt hại cho bị đơn, các chứng cứ bị đơn cung cấp không có giá trị pháp lý. Tại phiên toà phúc thẩm, đại diện uỷ quyền của bị đơn rút một phần yêu cầu kháng cáo đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại do hoạt động đưa đò 439.200.000<sup>d</sup> và bồi thường thiệt hại danh dự uy tín 14.900.000<sup>d</sup>; Giữ nguyên kháng cáo đối với yêu cầu Huỳnh Văn P bồi thường thiệt hại do cản trở công ty thi công dự án 280.000.000<sup>d</sup>. Đối với kháng cáo còn lại của nguyên đơn yêu cầu bồi thường 10.000.000<sup>d</sup> theo biên bản hòa giải ngày 23/11/2022 bị đơn không đồng ý vì biên bản này là khoản tiền hỗ trợ không phải bồi thường với mục đích để nguyên đơn không cản trở, tạo điều kiện cho Công ty T3, công trình, nhưng nguyên đơn không thực hiện mà có hành vi ngăn cản nên, Công ty không thống nhất tiếp tục hỗ trợ. Đối với kháng cáo yêu cầu Huỳnh Văn P bồi thường thiệt hại do cản trở Công ty thi công dự án 280.000.000<sup>d</sup> là do sau khi nhận tiền 20 ngày ông P vẫn tiếp tục cản trở không cho Công ty thi công cầm dao hù dọa công nhân đang thi công gây rối loạn trật tự nơi công trường; Việc cản trở thi công kéo dài từ 14/11 đến 28/11/2022 (14 ngày) gây thiệt hại cho Công ty do vi phạm hợp đồng với đối tác và Công ty phải bồi thường cho đơn vị thi công tiền phạt chậm bơm cát do trễ tiến độ là 20.000.000<sup>d</sup>/ngày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang trình bày quan điểm:

- *Về chấp hành pháp luật tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Tại phiên toà phúc thẩm đại diện uỷ quyền của nguyên đơn và đại diện uỷ quyền của bị đơn rút một phần yêu cầu kháng cáo, cụ thể: Nguyên đơn kháng cáo yêu cầu bị đơn bồi thường 10.000.000<sup>d</sup>; Bị đơn yêu cầu bồi thường 280.000.000<sup>d</sup>; Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ phúc thẩm đối với phần yêu cầu của các bên do tự nguyện rút một phần kháng cáo.

- Xét phần kháng cáo còn lại của nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại giá trị Ba Ba 10.000.000<sup>d</sup>. Căn cứ theo biên bản thống nhất hỗ trợ ao Ba B1 lập vào ngày 24/10/2022 giữa Công ty T1 thì ông P cam kết di dời ao Ba Ba trong vòng 20 ngày để trả mặt bằng cho nhà đầu tư thi công và cam kết không khiếu kiện về sau các việc có liên quan đến ao Ba Ba trong phạm vi giải phóng mặt bằng và ngoài phạm vi giải phóng mặt bằng ông P đã nhận tiền; N cho rằng bị thiệt hại ngoài phạm vi để tiếp tục yêu cầu bồi thường là không có cơ sở để xem xét. Mặt khác, ông P không cung cấp được bất kỳ chứng từ chứng minh chủng loại, kích thước, giá trị B bị thiệt hại, nên kháng cáo của ông P không có căn cứ chấp nhận.

- Đối với kháng cáo của bị đơn yêu cầu bồi thường, do hành vi cản trở của nguyên đơn là 280.000.000<sup>d</sup>; Nhận thấy, tại toà đại diện uỷ quyền của bị đơn cho

rằng do Công ty X đã ký hợp đồng với bên thứ 3 là Công ty S, hai bên có thỏa thuận phạt vi phạm hợp đồng là 20.000.000đ/ngày. Tuy nhiên bị đơn không cung cấp được hồ sơ yêu cầu bồi thường của Công ty S và cũng không cung cấp được hoá đơn chứng từ thanh toán hợp pháp cho Tòa án; Như bên thứ 3 chưa yêu cầu bồi thường thiệt hại, chưa có căn cứ xác định thiệt hại để bồi thường, chưa có đối tượng bị thiệt hại yêu cầu mà thanh toán là không đúng, đồng thời quy trình thực hiện hồ sơ sổ sách chứng từ hợp pháp để thanh toán hợp đồng giữa các bên cũng chưa đảm bảo đúng pháp luật; Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bị đơn là có căn cứ.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ phúc thẩm một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn đối với số tiền yêu cầu bồi thường 10.000.000đ và kháng cáo của bị đơn đối với số tiền yêu cầu bồi thường là 280.000.000đ; áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Nguyên đơn kháng cáo cho rằng: Công Ty TNHH T1 (gọi tắt công ty T1) bơm cát làm cầu tràn vào hồ nuôi Ba B1 gây thiệt hại cho nguyên đơn 50.000.000đ. Công ty T1 kháng cáo ông Huỳnh Văn P cản trở Công ty T1 thi công dự án làm chậm trễ tiến độ vi phạm hợp đồng với đối tác nên phải bồi thường thiệt hại do 280.000.000đ, bồi thường thiệt hại do hoạt động đưa đò 439.200.000đ và bồi thường thiệt hại danh dự uy tín 14.900.000đ. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện uỷ quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu kháng cáo đối với số tiền 40.000.000đ và chỉ yêu cầu bị đơn bồi thường 10.000.000đ. Đại diện uỷ quyền của bị đơn rút một phần yêu cầu kháng cáo đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại do hoạt động đưa đò 439.200.000đ và bồi thường thiệt hại danh dự uy tín 14.900.000đ và chỉ yêu cầu bồi thường cản trở thi công dự án 280.000.000đ. Việc nguyên đơn, bị đơn tự nguyện rút một phần kháng cáo là tự nguyện; Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo các bên đương sự đã rút.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn cho rằng có hầm nuôi Ba Ba cạnh dự án cầu dân sinh xã Đ do Công ty T1 làm chủ đầu tư, khi triển khai dự án Công ty bơm cát làm tràn vào hồ nuôi Ba B1 làm cho một số con Ba Ba của ông P bị chết và một số con lớn thì đi mất, gây thiệt hại nên kháng cáo yêu cầu Công ty T1 bồi thường 10.000.000đ.

[2.1] Hội đồng xét xử nhận thấy, sau khi tiếp nhận dự án Công ty T1 và nguyên đơn đã thống nhất thoả thuận, theo đó tại biên bản thống nhất ngày 24/10/2022 hai bên thống nhất Công ty T1 hỗ trợ chi phí thiệt hại ao Ba Ba là 340.000.000<sup>d</sup> và nguyên đơn ông P đã cam kết kèm theo nội dung biên bản thống nhất “*Ông Huỳnh Văn P cam kết di dời ao ba ba trong vòng 20 ngày để trả mặt bằng cho nhà đầu tư thi công và cam kết không khiếu kiện về sau các việc có liên quan đến ao Ba Ba trong phạm vi giải phóng mặt bằng và ngoài phạm vi giải phóng mặt bằng nhà đầu tư không có trách nhiệm về ảnh hưởng của ao Ba Ba trên sau khi đưa tiền hỗ trợ cho hộ ông P kể cả trong quá trình thi công xây dựng phạm vi giải phóng mặt bằng* Ông Huỳnh Văn P cam kết đồng ý giao mặt bằng thi công cho nhà đầu tư và cam kết không khiếu kiện về việc ảnh hưởng ao Ba Ba về sau trong quá trình thi công xây dựng công trình”. Căn cứ nội dung thoả thuận nhà đầu tư không có trách nhiệm về ảnh hưởng của ao Ba B1 và ông P Cam kết không khiếu kiện. Đã nhận tiền và đã cam kết nhưng vẫn khởi kiện yêu cầu bồi thường ngay chính nội dung thoả thuận là không có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên ông P cho rằng có thả nuôi 14.000 con Ba Ba giống ngoài phạm vi giải phóng mặt bằng, nhưng đã bị bơm cát tràn gây thiệt hại; Lời trình bày của ông P chưa đủ cơ sở để xem xét với các lý do sau: Ông P đã cam kết di dời ao Ba Ba trong vòng 20 ngày và ông đã biết được dự án đang thi công có khả năng gây ảnh hưởng đến việc nuôi Ba Ba, nhưng vẫn thả nuôi, để số Ba B1 bị thiệt hại là do lỗi của ông P. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà ngày hôm nay ông P không cung cấp được chứng từ, hoá đơn, giấy tờ chứng minh số lượng, trọng lượng, giá cả, mức độ thiệt hại là bao nhiêu để làm căn cứ yêu cầu; Do đó cấp cơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P là có cơ sở.

[3] Xét kháng cáo của của bị đơn yêu cầu nguyên đơn bồi thường 280.000.000<sup>d</sup> do hành vi của ông Huỳnh Văn P cản trở Công ty T1 thi công dự án làm chậm trễ tiến độ từ ngày 14/11/2022 đến ngày 28/11/2022 và phải bồi thường thiệt hại cho đối tác do vi phạm hợp đồng. [3.1] Xét thấy, bị đơn Công ty T1 cho rằng ông P có thực hiện các hành vi cản trở đơn vị thi công từ ngày 14/11/2022 đến ngày 28/11/2022 là 14 ngày làm cho Công ty T1 không thực hiện được các hoạt động bơm cát và phải bồi thường cho đơn vị thi công theo hợp đồng số 20/HĐXD-2022 ngày 10/02/2022. Hội đồng xét xử nhận thấy, tại biên bản làm việc ngày 23/11/2022 theo tờ trình của ông P thì Công ty T1 còn tự nguyện hỗ trợ thêm cho ông P 10.000.000<sup>d</sup> mà không đặt ra yêu cầu bồi thường thiệt hại và cũng không đề cập đến hành vi ngăn cản và đến ngày 28/11/2022 công an xã Đ lập biên bản làm việc tiêu đề ghi hộ ông Huỳnh Văn P cản trở không cho đơn vị thi công, công trình cầu D, nhưng nội dung biên bản ghi nhận về các yêu cầu của ông P đang khiếu nại trong việc bồi thường hỗ trợ về đất bị

thu hồi mà biên bản không có nội dung thể hiện ông P thực hiện hành vi cản trở cụ thể là gì, thời gian cản trở là bao lâu, ảnh hưởng như thế nào đối với đơn vị thi công để làm cơ sở giải quyết vụ án. Trong khi đó biên bản ghi nhận tại trụ sở Công an mà không phải là nơi mà bị đơn cho rằng nguyên đơn có hành vi cản trở. Như vậy tính đến ngày 28/11/2022 Công ty T1 chưa chứng minh ông P có hành vi cản trở và trong khoảng thời gian này Công ty T1 cũng không đặt ra yêu cầu bồi thường thiệt hại. Tuy nhiên sau khi ông P khởi kiện đến 21/7/2023 Công ty T1 mới nộp tạm ứng án phí cho yêu phản tố đòi bồi thường, nhưng thời gian tính bồi thường Công ty T1 xác định lùi lại trước ngày 28/11/2022 cụ thể bắt đầu tính từ ngày 14/11/2022 là không trùng khớp. Mặt khác, bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh kể từ thời điểm 14/11/2022 nguyên đơn có hành vi cản trở.

[3.2] Đối với khoản chi phí yêu cầu bồi thường 14 ngày, 20.000.000<sup>đ</sup>/ngày với số tiền 280.000.000<sup>đ</sup> tính từ ngày 14/11/2022 đến ngày 28/11/2022. Nhận thấy, theo trình bày của bị đơn thì quan hệ tranh chấp nguyên đơn chấm dứt vào ngày 28/11/2022, chỉ sau 01 ngày trong khi quan hệ tranh chấp chưa phát sinh yêu cầu thì ngày 29/11/2022 Công ty cổ phần X (Gọi tắt Công ty X) có công văn yêu cầu thanh toán tổn thất chi phí nhân công thiết bị chờ thi công (Bút lục 169) thì đến ngày 20/01/2023 Công ty X đã xuất hoá đơn chi 280.000.000<sup>đ</sup> chi đủ theo yêu cầu mà không lập bất kỳ hồ sơ thương thảo nào như hợp đồng số 20/HĐXD-2020 đã ký kết; không đánh giá lỗi khách quan, chủ quan mà tự nguyện bồi thường ngày bằng 20.000.000<sup>đ</sup>/ngày, bồi thường theo yêu cầu mà không đưa ra tiêu chí xác định thiệt hại. Tại toà đại diện uỷ quyền của bị đơn cho rằng do Công ty X đã ký hợp đồng với bên thứ 3 là Công ty trách nhiệm hữu hạn S (Gọi tắt Công ty S) theo đó tại khoản 5 Điều 2 hợp đồng thi công số 92/2022, ngày 10/11/2022 giữa Công ty X và Công ty S có quy định phạt hợp đồng là 20.000.000<sup>đ</sup>/ngày. Tuy nhiên trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà ngày hôm nay bị đơn không cung cấp được hồ sơ yêu cầu bồi thường của Công ty S và cũng không cung cấp được hoá đơn chứng từ thanh toán hợp pháp cho Toà án; Như vậy chưa phát sinh quyền lợi của bên thứ 3 nhưng bị đơn đã cùng Công ty X thực hiện bồi thường khi đối tượng bị thiệt hại Công ty S chưa có yêu cầu mà thanh toán là không đúng; Quá trình thực hiện hồ sơ sổ sách chứng từ hợp pháp để thanh toán hợp đồng giữa các bên cũng chưa đảm bảo đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bị đơn là có căn cứ.

[4] Từ những nhận định trên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Huỳnh Văn P yêu cầu bồi thường thiệt hại 10.000.000<sup>đ</sup>; Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty T1 đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại 280.000.000<sup>đ</sup>. Chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát đình chỉ xét xử



phúc phẩm một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn đối với các phần yêu cầu đã rút.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 289, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Huỳnh Văn P yêu cầu bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn T1 bồi thường 10.000.000<sup>đ</sup> (Mười triệu đồng).

2. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn T1 yêu cầu bị đơn Huỳnh Văn P yêu cầu bồi thường thiệt hại do 280.000.000<sup>đ</sup> (Hai trăm tám mươi triệu đồng).

3. Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần vụ án đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn đã rút 40.000.000<sup>đ</sup> (Bốn mươi triệu đồng) và đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần vụ án đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn đã rút về phần bồi thường thiệt hại do hoạt động đưa đò 439.200.000<sup>đ</sup> (Bốn trăm ba mươi chín ngàn hai trăm đồng) và bồi thường thiệt hại danh dự uy tín 14.900.000<sup>đ</sup> (Mười bốn triệu chín trăm ngàn đồng).

4. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 83/2024/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang.

5. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Buộc nguyên đơn Huỳnh Văn P phải chịu 300.000<sup>đ</sup> (Ba trăm nghìn đồng); Chuyển 300.000<sup>đ</sup> (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo lai thu số 0003160 ngày 29 tháng 8 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

- Buộc bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn T1 phải chịu 300.000<sup>đ</sup> (Ba trăm nghìn đồng); Chuyển 300.000<sup>đ</sup> (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo lai thu số 0003076 ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

6. Những nhận định và các quyết định khác của bản án sơ thẩm không liên quan đến nội dung kháng cáo, trong đó có án phí dân sự sơ thẩm các đương sự không yêu cầu; Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét có hiệu lực theo quyết định sơ thẩm đã tuyên.



Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án, ngày 14/4/2025.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện C;
- CC THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Hoàng Khải**